

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Hồ sơ mời thầu Gói thầu TV10: Tư vấn kiểm định, đánh giá chất lượng công trình Dự án đầu tư xây dựng đoạn QL45 – Nghi Sơn thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông (Cục QLXD) nhận được các tờ trình số 278/TTr-BQLDA2 và số 280/TTr-BQLDA2 ngày 18/10/2021 của Ban Quản lý dự án 2 (QLDA 2) về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu (HSMT) và điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Gói thầu TV10: Tư vấn kiểm định, đánh giá chất lượng công trình Dự án đầu tư xây dựng đoạn QL45 – Nghi Sơn thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020.

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/4/2016 của Chính phủ, các Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư số 01/2015/TT-BKHĐT ngày 14/7/2015 của quy định chi tiết lập Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu dịch vụ tư vấn; số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Cục QLXD báo cáo Bộ Giao thông vận tải (GTVT) nội dung thẩm định như sau:

I. KHÁI QUÁT DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

1. Khái quát về dự án

Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Quốc lộ 45-Nghi Sơn thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 được Bộ GTVT phê duyệt đầu tư tại Quyết định số 2226/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2018, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 418/QĐ-BGTVT ngày 18/3/2021 với các nội dung chính như sau:

1.1. Tên dự án: Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Quốc lộ 45-Nghi Sơn thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020

1.2. Chủ đầu tư: Bộ GTVT.

1.3. Địa điểm xây dựng: Huyện Nông Cống và thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.4. Phạm vi và quy mô đầu tư xây dựng:

1.4.1 Phạm vi dự án:

- Điểm đầu: Km337+000 (Quốc lộ 45) trùng với điểm cuối Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Mai Sơn - Quốc lộ 45, thuộc địa phận xã Tân Phúc,

huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

- Điểm cuối: Km380+000 (Nghị Sơn), trùng với điểm đầu Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Nghi Sơn - Diễn Châu, thuộc địa phận xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Chiều dài tuyến chính cao tốc khoảng 43,28 km.

1.4.2 Quy mô xây dựng: Theo Quyết định số 418/QĐ-BGTVT ngày 18/3/2021 của Bộ GTVT

1.5. Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 5.534 tỷ đồng.

1.6. Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước theo Nghị quyết số 1312/NQ-UBTVQH14 ngày 04/02/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1.7. Thời gian thực hiện dự án

- Thiết kế kỹ thuật: Hoàn thành năm 2021;

- Thời gian xây dựng: Khởi công năm 2021, hoàn thành năm 2023.

1.8. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ, cấp I.

2. Khái quát về gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu TV10: Tư vấn kiểm định, đánh giá chất lượng công trình (sau đây gọi tắt là Gói thầu TV10).

- Giá gói thầu: 03 tỷ đồng.

- Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước/01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III/2021.

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Xác định trên cơ sở đề cương, nhiệm vụ tư vấn được duyệt.

II. NỘI DUNG TRÌNH DUYỆT CỦA BAN QLDA 2

1. Điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (Tỷ đồng)		Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu		Thời gian thực hiện Hợp đồng	
		Nội dung đã duyệt tại Quyết định số 1412/QĐ-BGTVT ngày 30/7/2021	Nội dung trình điều chỉnh	Nội dung đã duyệt tại Quyết định số 1412/QĐ-BGTVT ngày 30/7/2021	Nội dung trình điều chỉnh	Nội dung đã duyệt tại Quyết định số 1412/QĐ-BGTVT ngày 30/7/2021	Nội dung trình điều chỉnh
1	Gói thầu TV10: Tư vấn kiểm định, đánh giá chất lượng công trình	3	11	Quý III/2021	Quý IV/2021	Xác định trên cơ sở đề cương, nhiệm vụ tư vấn được duyệt	24 tháng

2. Trình phê duyệt Hồ sơ mời thầu (HSMT) Gói thầu TV10

Ban QLDA 2 trình Bộ GTVT phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu TV10, trong đó đề nghị áp dụng mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ tư vấn ban hành theo Thông tư 01/2015/TT-BKHĐT ngày 14/02/2015, bao gồm các nội dung:

Phần thứ nhất: Chỉ dẫn đối với nhà thầu

Chương I: Yêu cầu về thủ tục đấu thầu.

Chương II: Bảng dữ liệu đấu thầu.

Chương III: Tính hợp lệ của HSDT và tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

Phần thứ hai: Mẫu đề xuất về kỹ thuật

Phần thứ ba: Mẫu đề xuất về tài chính

Phần thứ tư: Điều khoản tham chiếu

Phần thứ năm: Yêu cầu về hợp đồng

Chương IV: Điều kiện chung của hợp đồng.

Chương V: Điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Chương VI: Mẫu hợp đồng.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Về điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu TV10

- Về Giá gói thầu: Ban QLDA 2 trình điều chỉnh giá gói thầu từ 03 tỷ đồng thành 11 tỷ đồng theo Quyết định số 264/QĐ-BQLDA 2 ngày 12/10/2021 của Ban QLDA 2 về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí Gói thầu TV10. Cục QLXD kiến nghị Bộ GTVT chấp thuận đề xuất điều chỉnh giá gói thầu do Ban đề xuất để phù hợp với khoản 2 Điều 35 Luật Đấu thầu.

- Về thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tại Quyết định số 1412/QĐ-BGTVT ngày 30/7/2021 của Bộ GTVT, Gói thầu TV10 đã được duyệt thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu là Quý III/2021. Ban QLDA 2 báo cáo do công tác lập, phê duyệt đề cương dự toán bị chậm nên đến nay (Tháng 10/2021) mới thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu. Cục QLXD đề nghị Ban QLDA 2 rút kinh nghiệm do chậm trễ trong việc triển khai Gói thầu TV10. Cục QLXD kiến nghị Bộ GTVT chấp thuận đề xuất điều chỉnh thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu do Ban đề xuất thành “Quý IV/2021” để phù hợp với tiến độ thực tế. Ban QLDA 2 có trách nhiệm khẩn trương triển khai công tác lựa chọn nhà thầu đảm bảo việc triển khai gói thầu nằm trong tiến độ tổng thể toàn dự án.

- Về Thời gian thực hiện hợp đồng: Tại Quyết định số 1412/QĐ-BGTVT ngày 30/7/2021 của Bộ GTVT, Gói thầu TV10 đã được duyệt thời gian thực hiện hợp đồng là “Xác định trên cơ sở đề cương, nhiệm vụ tư vấn được duyệt”. Ban QLDA 2 đề nghị điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng là 24 tháng theo Quyết định số 264/QĐ-BQLDA 2 ngày 12/10/2021 của Ban QLDA 2 là có cơ sở. Tuy nhiên, để phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 35 Luật Đấu thầu, Cục QLXD kiến nghị Bộ GTVT điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng thành “720 ngày”.

2. Về phê duyệt HSMT

2.1. Kiểm tra căn cứ pháp lý

Kết quả kiểm tra căn cứ pháp lý của việc lập HSMT cho Gói thầu TV10 được tổng hợp như sau:

Bảng số 1

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
1	Quyết định số 2226/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2018 và số 418/QĐ-BGTVT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT về phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Quốc lộ 45-Nghi Sơn	X	
2	Quyết định số 450/QĐ-BGTVT ngày 24/3/2021; số 1412/QĐ-BGTVT ngày 30/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu	X	
3	Quyết định số 264/QĐ-BQLDA2 ngày 12/10/2021 của Giám đốc Ban QLDA 2 phê duyệt nhiệm vụ dự toán	X	

b) Ý kiến thẩm định: Việc lập, trình duyệt HSMT Gói thầu TV10 của Ban QLDA 2 đáp ứng cơ sở pháp lý liên quan theo quy định: Quyết định phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Quyết định phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán Gói thầu TV10.

2.2. Kết quả thẩm định hồ sơ mời thầu:

2.2.1. Kết quả thẩm định HSMT Gói thầu TV10 được tổng hợp tại Bảng số 2 dưới đây:

Bảng số 2

Nội dung thẩm định	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
Phần thứ nhất: Chỉ dẫn đối với nhà thầu Chương I: Yêu cầu về thủ tục đấu thầu. Chương II: Bảng dữ liệu đấu thầu. Chương III: Tính hợp lệ của HSDT và tiêu chuẩn đánh giá HSDT.	X	
Phần thứ hai: Mẫu đề xuất về kỹ thuật.	X	
Phần thứ ba: Mẫu đề xuất tài chính	X	
Phần thứ tư: Điều khoản tham chiếu	X	
Phần thứ năm: Yêu cầu về hợp đồng. Chương IV: Điều kiện chung của hợp đồng. Chương V: Điều kiện cụ thể của hợp đồng. Chương VI: Mẫu hợp đồng.	X	

2.2.2. Ý kiến thẩm định về nội dung Hồ sơ mời thầu:

Hồ sơ mời thầu được Ban QLDA 2 lập trên cơ sở mẫu HSMT dịch vụ tư vấn ban hành theo Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT ngày 14/02/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ban QLDA 2 chịu trách nhiệm rà soát, đảm bảo các nội dung HSMT tuân thủ quy định tại Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/4/2016.

Sau khi rà soát HSMT, Cục QLXD báo cáo Bộ GTVT thống nhất theo đề nghị của Ban QLDA 2 về một số nội dung chính trong HSMT như sau:

a) Tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ

Đánh giá điều kiện tiên quyết theo tiêu chí “Đạt” hoặc “Không đạt”, nếu nhà thầu bị đánh giá “Không đạt” tại bất cứ tiêu chí nào dưới đây thì HSDT sẽ bị loại:

STT	Nội dung yêu cầu	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Có bản gốc của HSDXKT	Có	Không
2	Có đơn dự thầu thuộc HSDXKT được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo quy định tại Mục 10 Chương I; trong đơn dự thầu, nhà thầu phải nêu rõ thời gian thực hiện gói thầu phù hợp với đề xuất về kỹ thuật. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.	Đáp ứng yêu cầu	Một trong các yêu cầu không đáp ứng
3	Hiệu lực của HSDXKT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 14 Chương I	≥ 180 ngày từ ngày đóng thầu	< 180 ngày từ ngày đóng thầu
4	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDXKT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh)	Hợp lệ	Không hợp lệ
5	Số lượng thành viên trong liên danh không quá 02 thành viên, trong đó thành viên đứng đầu liên danh phải đảm nhận khối lượng công việc nhiều nhất, các thành viên còn lại đảm nhận khối lượng công việc $\geq 25\%$ giá trị gói thầu. Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu.	Đáp ứng yêu cầu	Một trong các yêu cầu không đáp ứng
6	Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Chương I.	Hợp lệ	Không hợp lệ
7	Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành: + Đối với nhà thầu độc lập: Phải đáp ứng điều kiện	Đáp ứng yêu cầu	Một trong các yêu cầu không đáp

STT	Nội dung yêu cầu	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
	<p>năng lực của tổ chức tư vấn kiểm định chất lượng công trình đường bộ hạng I và công trình cầu đường bộ hạng II trở lên theo quy định tại Điều 97 Nghị định 15/2021/NĐ-CP.</p> <p>+ Đối với nhà thầu Liên danh: Thành viên đảm nhận kiểm định chất lượng phần công trình nào thì phải đáp ứng điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn kiểm định chất lượng phần công trình tương ứng như yêu cầu đối với nhà thầu độc lập.</p>		ứng

b) Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng
1	Yêu cầu chung đối với tổ chức tư vấn	
1.1	Số năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tư vấn kiểm định chất lượng công trình giao thông	<p>- Đối với Nhà thầu độc lập: Có tối thiểu 07 năm kinh nghiệm (tính đến thời điểm đóng thầu) trong lĩnh vực tư vấn kiểm định chất lượng công trình giao thông.</p> <p>- Đối với nhà thầu liên danh: Từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu như đối với nhà thầu độc lập nêu trên.</p>
1.2	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự	<p>Tính từ 01/01/2016 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu với vai trò là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) đã hoàn thành tối thiểu:</p> <p>- Đối với nhà thầu độc lập:</p> <p>+ 01 hợp đồng tư vấn kiểm định bao gồm công trình đường bộ cấp I trở lên và công trình cầu đường bộ cấp II trở lên, có giá trị phần hợp đồng nhà thầu đảm nhận $\geq 7,7$ tỷ đồng.</p> <p>+ Hoặc 02 hợp đồng tư vấn kiểm định bao gồm công trình đường bộ cấp II trở lên và công trình cầu đường bộ cấp III trở lên, có giá trị phần hợp đồng nhà thầu đảm nhận $\geq 7,7$ tỷ đồng trong mỗi hợp đồng được xét.</p> <p>- Đối với nhà thầu liên danh:</p> <p>+ Kinh nghiệm của Liên danh là tổng kinh nghiệm của các thành viên tương ứng với phần công việc đảm nhận trong Liên danh, trong đó từng thành viên phải chứng minh đáp ứng các yêu cầu của HSMT phù hợp với phần công việc đảm nhận trong Thỏa thuận Liên danh.</p> <p>+ Từng thành viên Liên danh phải chứng minh kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự như đối với nhà thầu độc lập tương ứng với quy mô, tính chất phần công việc nhà thầu đảm nhận trong Liên danh và đảm bảo giá trị hợp đồng tương tự của từng thành viên $\geq 7,7$ tỷ đồng</p>

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng
		nhân (x) với tỷ lệ tham gia trong Thỏa thuận Liên danh.
	<p>* Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Hợp đồng tương tự nhà thầu tham gia với tư cách thành viên liên danh thì giá trị Hợp đồng tương tự được căn cứ theo giá trị nhà thầu đảm nhận trong Liên danh. - Trường hợp hợp đồng tương tự được xét nêu trên không có hạng mục kiểm định công trình cầu đường bộ như quy định nêu trên, cho phép nhà thầu chứng minh bằng hợp đồng riêng: 01 hợp đồng kiểm định chất lượng công trình cầu đường bộ cấp II trở lên hoặc 02 hợp đồng kiểm định chất lượng công trình cầu đường bộ cấp III trở lên mà không xét đến giá trị các hợp đồng này để đánh giá việc đáp ứng về tính chất kỹ thuật tương tự. - Trường hợp nhà thầu dùng hợp đồng thầu phụ để chứng minh năng lực, kinh nghiệm thì hợp đồng đó phải đảm bảo đáp ứng về giá trị, quy mô, tính chất về hợp đồng tương tự theo quy định của HSMT. - Hợp đồng bị cơ quan thẩm quyền kết luận vi phạm về chất lượng sẽ không được xem xét đánh giá. <p>(Cấp công trình theo quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng).</p>	
1.3	Uy tín của Nhà thầu thông qua kết quả thực hiện các hợp đồng	Từ ngày 01/01/2016 đến thời điểm đóng thầu nhà thầu độc lập và từng thành viên liên danh không có hợp đồng không hoàn thành.
2	Nhân sự huy động cho gói thầu	
2.1	Chủ trì kiểm định:	<p>Bố trí 01 nhân sự đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành xây dựng công trình giao thông đường bộ hoặc cầu đường bộ; - Đáp ứng điều kiện hành nghề kiểm định xây dựng công trình giao thông đường bộ Hạng I hoặc cầu đường bộ Hạng I theo quy định tại Điều 75, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 hoặc có chứng chỉ hành nghề tư vấn kiểm định chất lượng công trình giao thông đường bộ Hạng I hoặc cầu đường bộ Hạng I còn hiệu lực; - Có tối thiểu 07 năm kinh nghiệm trở lên trong lĩnh vực tư vấn kiểm định chất lượng/tư vấn thiết kế công trình giao thông; - Đã làm Chủ trì kiểm định xây dựng ít nhất 01 công trình đường bộ cấp I trở lên có công trình cầu đường bộ cấp II trở lên hoặc 02 công trình đường bộ cấp II trở lên và có công trình cầu đường bộ cấp III trở lên. <p><u>Lưu ý:</u> Trường hợp công trình nêu trên không có hạng mục kiểm định công trình cầu đường bộ có thể chứng minh kinh</p>

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng
		<p>nghiệm bằng hợp đồng riêng: đã làm chủ trì kiểm định chất lượng 01 công trình cầu đường bộ cấp II trở lên hoặc 02 công trình cầu đường bộ cấp III trở lên;</p> <p><i>Trường hợp liên danh: Chủ trì kiểm định phải là nhân sự của Nhà thầu đứng đầu liên danh và đáp ứng các điều kiện trên.</i></p>
2.2	Chủ trì kiểm định chất lượng phần đường	<p>Bố trí ít nhất 01 nhân sự đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành xây dựng công trình giao thông đường bộ hoặc cầu đường bộ; - Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm trở lên trong lĩnh vực tư vấn kiểm định chất lượng/tư vấn thiết kế công trình giao thông. - Có bằng cấp hoặc chứng chỉ hoặc chứng nhận đào tạo thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng còn hiệu lực; - Đã làm chủ trì hoặc chuyên gia kiểm định hoặc tổ trưởng tổ kiểm định chất lượng ít nhất 01 công trình giao thông đường bộ cấp I trở lên hoặc 02 công trình đường bộ cấp II trở lên.
2.3	Chủ trì kiểm định chất lượng phần cầu	<p>Bố trí ít nhất 01 nhân sự đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành xây dựng công trình giao thông đường bộ hoặc cầu đường bộ; - Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm trở lên trong lĩnh vực tư vấn kiểm định chất lượng/tư vấn thiết kế công trình giao thông. - Có bằng cấp hoặc chứng chỉ hoặc chứng nhận đào tạo thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng còn hiệu lực; - Đã làm chủ trì hoặc chuyên gia kiểm định hoặc tổ trưởng tổ kiểm định chất lượng ít nhất 01 công trình giao thông cầu đường bộ cấp II trở lên hoặc 02 công trình cầu đường bộ cấp III trở lên.
2.4	Kỹ sư kiểm định phần cầu	<p>Bố trí tối thiểu 01 nhân sự đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành xây dựng công trình giao thông đường bộ hoặc cầu đường bộ; - Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trở lên trong lĩnh vực tư vấn kiểm định chất lượng/tư vấn thiết kế công trình giao thông; - Có bằng cấp hoặc chứng chỉ hoặc chứng nhận đào tạo thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định chất lượng công trình

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng
		<p>xây dựng còn hiệu lực;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã tham gia kiểm định chất lượng ít nhất 01 công trình cầu đường bộ cấp II trở lên hoặc 02 công trình cầu đường bộ cấp III trở lên.
2.5	Kỹ sư kiểm định phần đường	<p>Bố trí tối thiểu 03 nhân sự đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành xây dựng công trình giao thông đường bộ hoặc cầu đường bộ; - Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trở lên trong lĩnh vực tư vấn kiểm định chất lượng/tư vấn thiết kế công trình giao thông; - Có bằng cấp hoặc chứng chỉ hoặc chứng nhận đào tạo thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng còn hiệu lực; - Đã tham gia kiểm định chất lượng ít nhất 01 công trình giao thông đường bộ cấp I trở lên hoặc 02 công trình giao thông đường bộ cấp II trở lên.
2.6	Kiểm định viên/Kỹ thuật viên phần cầu	<p>Bố trí tối thiểu 02 nhân sự đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành xây dựng công trình giao thông đường bộ hoặc cầu đường bộ hoặc cầu hầm; - Có bằng cấp hoặc chứng chỉ hoặc chứng nhận đào tạo thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng còn hiệu lực; - Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trở lên trong lĩnh vực tư vấn kiểm định chất lượng/tư vấn thiết kế công trình giao thông hoặc thí nghiệm công trình giao thông; - Đã tham gia công tác kiểm định ít nhất 01 công trình cầu đường bộ cấp II trở lên hoặc 02 công trình cầu đường bộ cấp III trở lên.
2.7	Kiểm định viên/Kỹ thuật viên phần đường	<p>Bố trí tối thiểu 06 nhân sự đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành xây dựng công trình giao thông đường bộ hoặc cầu đường bộ hoặc cầu hầm; - Có bằng cấp hoặc chứng chỉ hoặc chứng nhận đào tạo thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng còn hiệu lực; - Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trở lên trong lĩnh vực tư vấn kiểm định chất lượng/tư vấn thiết kế công trình giao thông hoặc thí nghiệm công trình giao thông; - Đã tham gia công tác kiểm định ít nhất 01 công trình

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng
		giao thông đường bộ cấp I trở lên hoặc 02 công trình giao thông đường bộ cấp II trở lên.
3	<p>Yêu cầu về thiết bị</p> <p>Nhà thầu phải kê khai các thiết bị thuộc sở hữu của nhà thầu (trường hợp thuê phải có hợp đồng nguyên tắc).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Máy khoan mẫu hiện trường: 02 cái. - Súng bột nẩy: 02 cái. - Máy siêu âm bê tông: 01 cái. - Máy thủy bình/toàn đạc điện tử và mia: 01 bộ. - Thiết bị đo và xe chuyên dụng độ xóc cộng dồn mặt đường (IRI): 01 bộ. - Thiết bị xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát: 01 bộ. - Cản Benkelman: 01 cái. - Bộ thí nghiệm phễu rót cát: 02 bộ. - Máy kéo nén đa năng 100 tấn: 01 cái. - Máy nén 200 tấn: 01 cái. - Máy nén Marshall 30KN: 01 cái. - Máy nén CBR 50KN: 01 cái. - Máy quay LA: 01 cái. - Máy chiết nhựa: 01 cái.
4	<p>Yêu cầu về năng lực tài chính</p>	<p>Đối với nhà thầu độc lập và từng thành viên trong Liên danh phải đáp ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng lợi nhuận của 3 năm > 0; - Lợi nhuận năm 2020 > 0. <p>Đối với Nhà thầu liên danh: Từng thành viên liên danh phải đáp ứng các yêu cầu trên.</p>
5	<p>Các yêu cầu khác:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu (bao gồm nhà thầu độc lập và tất cả thành viên liên danh trường hợp liên danh) phải kê khai các yêu cầu của HSMT theo biểu mẫu quy định tại Phần thứ hai và Phần thứ ba. - Nhà thầu (bao gồm nhà thầu độc lập và tất cả thành viên liên danh trường hợp liên danh) phải cung cấp các tài liệu sau để làm cơ sở đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai (bản gốc hoặc bản chụp có công chứng/chứng thực): <ul style="list-style-type: none"> + Về kinh nghiệm: Hợp đồng, hồ sơ quyết toán A-B hoặc biên bản thanh lý hợp đồng hoặc Xác nhận của Chủ đầu tư/Đại diện Chủ đầu tư/Ban QLDA về việc Nhà thầu thực hiện hoàn thành hợp đồng đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng. Nếu các tài liệu không thể hiện rõ cấp công trình thì phải kèm theo bản chụp Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật/Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công có thể hiện cấp công trình. + Về nhân sự: Văn bằng, chứng chỉ và xác nhận của Chủ đầu tư, Ban QLDA về việc nhân sự đã đảm nhận chức danh tương tự của các chức danh chủ chốt theo đề xuất (<i>Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề còn thời hạn mà không xếp hạng thì cá nhân thực hiện việc kê khai và tự xác định hạng để làm cơ sở tham gia</i>

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng
	<p><i>các hoạt động xây dựng và kèm theo các tài liệu chứng minh kinh nghiệm theo yêu cầu về nhân sự nêu trên. Bản kê khai và tự xác định hạng chứng chỉ theo mẫu tại Phụ lục IV, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</i></p> <p>+ Về tài chính: Nhà thầu nộp báo cáo tài chính trong vòng 03 năm (2018, 2019, 2020) và bản chụp được chứng thực (làm cơ sở đối chứng với số liệu tài chính Nhà thầu kê khai) của một trong các tài liệu sau đây: Biên bản kiểm tra quyết toán thuế của nhà thầu trong năm tài chính 2020; Tờ khai quyết toán thuế có xác nhận của cơ quan quản lý thuế hoặc tờ khai quyết toán thuế điện tử và tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế phù hợp với tờ khai năm tài chính 2020; Văn bản xác nhận của cơ quan thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ thuế năm 2020; Báo cáo kiểm toán năm 2018, 2019, 2020.</p> <p>+ Về máy móc, thiết bị: Các tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc đi thuê (Hợp đồng hoặc hóa đơn mua bán thiết bị hoặc giấy kiểm định hiệu chuẩn các thiết bị).</p>	

c) Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

Thông nhất đề xuất của Ban QLDA 2 về việc đánh giá theo phương pháp chấm điểm, thang điểm 100 với tỷ lệ điểm của các tiêu chí chính như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
1	Năng lực và kinh nghiệm	15	9
2	Giải pháp và phương pháp luận	20	12
3	Máy móc thiết bị	5	5
4	Nhân sự	60	36
	Tổng số điểm	100	70

Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với từng tiêu chuẩn kinh nghiệm và năng lực, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự không được thấp hơn 60% điểm tối đa của từng tiêu chuẩn đó. HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một trong các tiêu chuẩn nêu trên được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, và HSDT sẽ bị loại, không được đánh giá tiếp.

Tổng số điểm tối thiểu về kỹ thuật không được thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật. HSDT có tổng số điểm kỹ thuật thấp hơn 70 điểm được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và HSDT sẽ bị loại, không được đánh giá tiếp.

Ban QLDA 2 có trách nhiệm rà soát để quy định số điểm đánh giá chi tiết trong từng tiêu chí cho phù hợp tính chất gói thầu, trong đó quy định cụ thể các mức điểm đánh giá đối với mỗi tiêu chí cụ thể, phù hợp yêu cầu tối thiểu về năng lực, kinh nghiệm nhân sự (lưu ý các tiêu chuẩn, yêu cầu về số năm kinh nghiệm thực hiện công việc hoặc vị trí tương tự) được quy định tại Khoản 1 Mục 2 - Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.

d) Tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ của HSDXTC:

- Đánh giá tính hợp lệ HSDXTC: Tuân thủ theo theo khoản 2 Mục 1 Chương III của Mẫu HSMT ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT.

- Đánh giá chi tiết về tài chính: Nhà thầu có HSDX tài chính hợp lệ sẽ được đánh giá chi tiết về tài chính theo phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, trong đó: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật là 80%; tỷ trọng điểm về giá là 20%. Việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Điều 17 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; nhà thầu được xét duyệt trúng thầu khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu.

e) Bảng tiêu lượng mời thầu:

Ban QLDA 2 chịu trách nhiệm rà soát, xây dựng bảng tiêu lượng mời thầu đảm bảo phù hợp về số lượng, khối lượng, hạng mục công việc theo đề cương, dự toán được duyệt tại Quyết định số 264/QĐ-BQLDA 2 ngày 12/10/2021 của Ban QLDA 2 làm cơ sở xét thầu trên cùng một mặt bằng.

g) Điều kiện cụ thể của hợp đồng:

- Đề nghị Ban QLDA 2 căn cứ quy định của Bộ Luật Dân sự, Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan để xây dựng hợp đồng đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định làm cơ sở ký kết, quản lý và giám sát hợp đồng. Trong đó lưu ý các nội dung về: Nhiệm vụ và phạm vi công việc; chất lượng và yêu cầu kỹ thuật; kế hoạch công tác và bố trí nhân sự; thay đổi nhân sự (nếu có); tiến độ thực hiện; bố trí điều kiện làm việc; quản lý chi phí (giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán...); trách nhiệm nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng, xử lý vi phạm và chấm dứt hợp đồng.

- Tạm ứng hợp đồng: Thống nhất đề xuất của Ban QLDA 2 về đề xuất mức tạm ứng là 20% giá trị hợp đồng (căn cứ kế hoạch vốn được bố trí) và tạm ứng 1 lần phù hợp với quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 18 Nghị định 37/2015/NĐ-CP.

- Thanh toán hợp đồng: Thống nhất theo đề xuất của Ban QLDA 2 về việc đề xuất thanh toán theo kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền bố trí cho dự án, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo từng đợt sau khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ.

- Các nội dung khác về loại hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng, nguồn vốn: Đề nghị Ban QLDA 2 rà soát đảm bảo phù hợp dự án đầu tư và nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ GTVT phê duyệt điều chỉnh và phù hợp với Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

h) Một số nội dung khác:

- Việc đánh giá HSDT đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn đánh giá trong HSMT được duyệt; việc đăng tải các thông tin đấu thầu thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014.

- Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo đúng quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Ban QLDA 2 có trách nhiệm hoàn chỉnh HSMT theo ý kiến thẩm định nêu trên và gửi 01 bộ hồ sơ mời thầu về Bộ GTVT (qua Cục QLXD) trước khi phát hành HSMT.

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

Nội dung trình phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Hồ sơ mời thầu Gói thầu TV10: Tư vấn kiểm định, đánh giá chất lượng công trình Dự án đầu tư xây dựng đoạn QL45 – Nghi Sơn thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 do Ban QLDA 2 trình duyệt đã cơ bản đầy đủ cơ sở pháp lý theo quy định hiện hành. Ban QLDA 2 có trách nhiệm kiểm tra kỹ để bổ sung hoàn thiện HSMT theo các ý kiến thẩm định nêu trên của Cục QLXD.

2. Kiến nghị

Cục QLXD kính báo cáo Bộ GTVT xem xét phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Hồ sơ mời thầu Gói thầu TV10: Tư vấn kiểm định, đánh giá chất lượng công trình Dự án đầu tư xây dựng đoạn QL45 – Nghi Sơn thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 để Ban QLDA 2 triển khai các thủ tục tiếp theo đảm bảo tiến độ yêu cầu.

Kính trình Bộ Giao thông vận tải xem xét chấp thuận làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo đảm bảo yêu cầu tiến độ dự án./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Ban QLDA 2;
- Lưu: VP, PCĐT.



KI. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC
QUẢN LÝ XÂY DỰNG VÀ
CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG
BỘ GIAO THÔNG-VẬN TẢI

Lê Quyết Tiến